

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 26-9-2022

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền và bà Bùi Thị Thu Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26-9-2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2022/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về: “*Tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 122/2022/HNGĐ-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2022/QĐXX-PT ngày 31-8-2022 và Quyết định Hoàn phiên tòa số 122/2022/QĐ-HPT ngày 16-9-2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn không kháng cáo:* Ông Đ.S.Công, sinh năm 1972; Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Xóm Đình, thôn TK, xã TT, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Phòng 12A02 chung cư NS, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

* *Bị đơn có kháng cáo:* Bà N.T.H, sinh năm 1976; Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Thôn TK, xã TT, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Số nhà 21 ngách 137, ngõ 111 phố TK, xã TT, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Đ.M.L, sinh năm 1996; Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Thôn TK, xã TT, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số 23 ngõ 236/18 KĐ, phường KĐ, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

- Anh Đ.M.Đức, sinh năm 2022; Địa chỉ nơi ĐKNKTT: Thôn TK, xã TT, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Hiện đang thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Lữ đoàn pháo binh 368, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Đ.M.L và anh Đ.M.Đức đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung:

Năm 1995, ông Đ.S.Công và bà N.T.H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Thanh Trì.

Năm 2004, ông Đ.S.Công và bà N.T.H đã ly hôn theo quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 26/QĐTTLH ngày 14-6-2004 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Khi ly hôn, ông Công và bà Hoa không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung. Tuy nhiên, sau khi ly hôn hai bên không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết phân chia tài sản chung nên ông Đ.S.Công khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn đối với khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 154, tờ bản đồ 16, diện tích 262m² tại KL, thị trấn KB, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S110457 ngày 13-5-2004 mang tên chủ sử dụng là hộ ông Đ.S.Công; gia đình khi đó gồm có 04 nhân khẩu là: ông Công, bà Hoa, chị Đ.M.L và anh Đ.M.Đức. Thửa đất này có nguồn gốc là ông Công và bà Hoa mua khoảng năm 2002-2003, tiền mua đất là của ông Công, bà Hoa; trên thửa đất không có công trình gì và không có ai đang sinh sống. Ông Đ.S.Công đề nghị Tòa án chia đôi giá trị quyền sử dụng đất trên và xin được nhận bằng hiện vật. Ngoài yêu cầu chia thửa đất này, thì ông Công không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với tài sản chung nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông Đ.S.Công và bà N.T.H còn đứng tên sở hữu, sử dụng các tài sản, gồm:

- Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 05, diện tích 50m² tại thôn TK, xã TT, huyện Thanh Trì đã được UBND huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-10-2005 cho ông Đ.S.Công, bà N.T.H. Nguồn gốc thửa đất này là đất giãn dân, ông Công, bà Hoa được chia năm 1998. Đây là tài sản chung vợ chồng hiện đang do bà Hoa trực tiếp quản lý sử dụng, nhưng ông Công không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- 01 sổ tiết kiệm với số tiền 900.000.000 đồng hiện đang gửi tại Ngân hàng TP mang tên bà Hoa, ông Công và chị Đ.M.L. Đây là tài sản của chị Lý, không phải tài sản chung vợ chồng; ông Công, bà Hoa chỉ đứng tên trên giấy tờ cùng với chị Lý để quản lý việc sử dụng tiền nên ông Công không yêu cầu chia.

- 01 sổ tiết kiệm với số tiền 338.000.000 đồng hiện đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đứng tên bà Hoa. Đây là tài sản của anh Đ.M.Đức được chị Lý cho riêng, không phải là tài sản chung vợ chồng, bà Hoa chỉ đứng tên trên sổ tiết kiệm để quản lý việc sử dụng tiền, nên ông Công cũng không yêu cầu chia đôi với tài sản này.

** Tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn kháng cáo, bị đơn là bà N.T.H có quan điểm:*

Trong thời kỳ hôn nhân, bà N.T.H và ông Đ.S.Công đứng tên chủ sở hữu, sử dụng các tài sản, bao gồm:

- Thửa đất số 154, tờ bản đồ 16, diện tích 262m² tại KL, thị trấn KB, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S110457 ngày 13-5-2004 mang tên hộ ông Đ.S.Công. Bà Hoa xác nhận đây là tài sản chung vợ chồng và đề nghị trích chia cho con trai là Đ.M.Đức 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*) để anh Đức có tiền xây nhà. Phần giá trị tài sản còn lại trong khối tài sản này thì đề nghị Tòa án chia đôi cho bà và ông Công mỗi người hưởng ½ giá trị.

- Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 05, diện tích 50m² tại thôn TK, xã TT, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-10-2005 mang tên chủ sử dụng là ông Đ.S.Công và bà N.T.H. Trên đất hiện có một ngôi nhà cấp 4 do bà Hoa, ông Công xây từ năm 2001. Đây là tài sản chung của bà và ông Công. Bà Hoa đề nghị Tòa án chia nhà đất này cho anh Đức để anh Đức có chỗ ở, yêu cầu Tòa án tuyên bà và ông Công có quyền giám hộ đối với tài sản này.

- 01 sổ tiết kiệm 900.000.000 đồng hiện đang gửi tại Ngân hàng TP mang tên bà Hoa, ông Công và chị Đ.M.L. Đây là tài sản chung của cả ba người, bà Hoa đề nghị Tòa án chia tài sản này cho chị Đ.M.L, yêu cầu Tòa án tuyên bà và ông Công có quyền giám hộ đối với tài sản này.

- 01 sổ tiết kiệm 338.000.000 đồng hiện đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đứng tên bà Hoa. Mặc dù đứng tên một mình bà nhưng đây là tài sản chung của bà và ông Công; bà Hoa đề nghị Tòa án chia tài sản này cho anh Đ.M.Đức, yêu cầu Tòa án tuyên bà và ông Công có quyền giám hộ đối với tài sản này.

Số tiền trong hai quyển sổ tiết kiệm trên có nguồn gốc là: Năm 1996, bà Hoa, ông Công, chị Lý được cấp một thửa đất nông nghiệp có diện tích 510 m². Năm 2013, bà Hoa, ông Công và chị Lý được đền bù 510 m² đất nông nghiệp thành 60 m² đất tái định cư, mỗi người được 20 m² đất tái định cư. Phần đất tái định cư của bà Hoa đã chuyển nhượng cho ông Công với giá 300.000.000 đồng và bà Hoa đã dùng số tiền 300.000.000 đồng này vào việc riêng cá nhân; phần của chị Lý đã chuyển nhượng cho ông Công với số tiền là 1.200.000.000 đồng. Bà Hoa, ông Công, chị Lý thống nhất gửi 1.200.000.000 đồng thành 02 sổ tiết kiệm, một sổ gửi 900.000.000 đồng, đứng tên bà Hoa, ông Công và chị Lý, đây là tài sản chung của cả ba người; một sổ gửi 300.000.000 đồng mặc dù chỉ đứng tên bà Hoa, nhưng cũng là tài sản chung của ông Công và bà Hoa. Sau đó mấy năm, do ông Công, bà Hoa, chị Lý vẫn gửi không rút ra nên mới dư ra 38.000.000 đồng tiền lãi và tiếp tục nhập gốc để gửi quay vòng.

Ngoài những tài sản trên, bà Hoa, ông Công không còn tài sản chung nào khác.

Bà Hoa có đơn phản tố yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng như trên, nhưng do bà không có tiền để nộp tạm ứng án phí, nên Tòa án đã trả lại đơn phản tố của bà. Bà đã hiểu các quy định của pháp luật và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, bà vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng như đã trình bày.

** Chị Đ.M.L và anh Đ.M.Đức trình bày quan điểm:*

Chị Đ.M.L, anh Đ.M.Đức là con đẻ của ông Đ.S.Công và bà N.T.H. Năm 2004, ông Đ.S.Công và bà N.T.H đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì giải quyết cho ly hôn.

Nay ông Đ.S.Công khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của ông và bà Hoa là thửa đất số 154, tờ bản đồ 16, diện tích 262m² tại KL, thị trấn KB, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S110457 ngày 13-5-2004 mang tên hộ ông Đ.S.Công. Chị Đ.M.L và anh Đ.M.Đức đều xác định đây là tài sản chung của bố mẹ được hình thành sau hôn nhân; chị Lý và anh Đức không có công sức đóng góp gì đối với khối tài sản này nên anh chị từ chối mọi quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến thửa đất, đề nghị Tòa án chia thửa đất này cho ông Công và bà Hoa.

Đối với các tài sản khác do ông Đ.S.Công và bà N.T.H đứng tên chủ sở hữu, sử dụng, gồm:

- Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 05, diện tích 50m² tại thôn TK, xã TT, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-10-2005, chủ sử dụng đất là ông Đ.S.Công và bà N.T.H. Chị Lý và anh Đức cũng không có công sức đóng góp gì vào tài sản này nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- 01 sổ tiết kiệm số tiền là 900.000.000 đồng hiện đang gửi tại Ngân hàng TP mang tên người gửi là bà N.T.H, ông Đ.S.Công và chị Đ.M.L. Đây là tài sản riêng của chị Đ.M.L, không phải tài sản chung của ông Công và bà Hoa; việc ông Công, bà Hoa chỉ đứng tên trên giấy tờ gửi tiền cùng với chị Đ.M.L để quản lý việc sử dụng tiền.

- 01 sổ tiết kiệm số tiền là 338.000.000 đồng hiện đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đứng tên bà N.T.H. Đây là tài sản của anh Đức được chị Lý cho riêng, không phải là tài sản chung vợ chồng, bà Hoa chỉ đứng tên trên sổ tiết kiệm để quản lý việc sử dụng tiền.

Nguồn gốc số tiền gửi tại hai quyển sổ tiết kiệm này là tiền bán đất của chị Lý. Anh Đức, chị Lý không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với số tiền này.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 122/2022/HNGĐ-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.S.Công về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

1. Xác nhận thửa đất số 154, tờ bản đồ 16 tại KL, thị trấn KB, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S110457 ngày 13-5-2004 mang tên hộ ông Đ.S.Công là tài sản chung của ông Đ.S.Công và bà N.T.H.

- Giao ông Đ.S.Công quản lý, sử dụng 128,9m² đất ở, trị giá 1.031.200.000 đồng (được giới hạn bởi các điểm 1, 1', 3', 4, có sơ đồ đo đạc kèm theo).

- Giao bà N.T.H quản lý, sử dụng 128,9m² đất ở, trị giá 1.031.200.000 đồng (được giới hạn bởi các điểm 1', 2, 3, 3', có sơ đồ đo đạc kèm theo).

2. Ông Đ.S.Công, bà N.T.H có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Dành quyền khởi kiện đối với các tài sản chung khác của ông Công, bà Hoa bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ngày 20-4-2022, bị đơn là bà N.T.H đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà N.T.H giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa đến khi nào cháu Đ.M.Đức là con chung xuất ngũ thì mới giải quyết tiếp. Nếu Tòa án xét xử, thì bà Hoa có quan điểm: Thửa đất số 154, tờ bản đồ 16 tại KL,

thị trấn KB, huyện Thanh Oai; diện tích 262m² là tài sản chung của vợ chồng; tài sản chung này đề nghị chưa chia mà chờ đến thời điểm được giá 05 tỷ thì mới bán, theo đó sẽ chia cho cháu Đức 01 tỷ, số tiền còn lại sẽ chia cho ông Công và bà Hoa mỗi người 02 tỷ. Ngoài ra, số tiền tiết kiệm 900 triệu đồng sẽ mua đất sau này sẽ cho chị Lý; Thửa đất ở có diện tích 50m² bà Hoa đang quản lý, sử dụng sẽ giao cho anh Đức; Số tiết kiệm 338 triệu đồng sẽ cho anh Đức.

Bà N.T.H xác nhận: Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà có làm đơn phản tố đề nghị Tòa án giải quyết phân chia toàn bộ tài sản chung; bà đã được Thẩm phán hướng dẫn xác định giá trị tài sản đề nghị Tòa án xem xét và nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của mình nhưng bà không có tiền nộp.

- Ông Đ.S.Công có quan điểm: Kháng cáo của bà N.T.H đối với bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Việc Tòa án phân chia tài sản chung sau ly hôn, theo đó chia mỗi người được nhận 50% giá trị tài sản chung và chia mỗi người được sử dụng ½ diện tích thửa đất là phù hợp quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và không chấp nhận kháng cáo của bà N.T.H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người kháng cáo làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn nên kháng cáo của bà N.T.H là hợp lệ.

Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa.

Về nội dung: Kháng cáo của bà N.T.H là không có cơ sở được chấp nhận. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Bác kháng cáo của bà N.T.H; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 122/2022/HNGĐ-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì.

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo là bà N.T.H phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của các đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về Tố tụng:

Bị đơn trong vụ án có địa chỉ nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở tại xã TT, huyện Thanh Trì. Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý, giải quyết vụ án

là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 20-4-2022, bị đơn là bà N.T.H đã nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đảm bảo trong thời hạn nên kháng cáo của bà N.T.H là hợp lệ.

Các đương sự Đ.M.L và Đ.M.Đức có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt các đương sự.

[II]. Xét nội dung kháng cáo.

[1]. Nguyên đơn trong vụ án là ông Đ.S.Công khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn là thửa đất số 154, tờ bản đồ 16, diện tích 262m² tại KL, thị trấn KB, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S110457 ngày 13-5-2004 mang tên hộ ông Đ.S.Công.

Các đương sự trong vụ án đều xác nhận thửa đất này là tài sản chung của ông Đ.S.Công và bà N.T.H. Chị Đ.M.L và anh Đ.M.Đức là con chung của ông Công, bà Hoa đều xác nhận không có công sức đóng góp gì đối với việc tạo lập khối tài sản này và đều không yêu cầu Tòa án xem xét quyền lợi của mình đối với tài sản này khi Tòa án giải quyết vụ án; đều đề nghị chia thửa đất này cho ông Đ.S.Công và bà N.T.H.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự xác nhận thửa đất số 154, tờ bản đồ 16, diện tích 262m² tại KL, thị trấn KB, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội đã được cấp GCNQSDĐ là tài sản chung của ông Đ.S.Công và bà N.T.H và chia mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Bà N.T.H kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý chia tài sản chung với lý do: Chờ khi nào thửa đất này có giá trị thị trường đến 05 tỷ đồng thì sẽ bán để chia, theo đó sẽ chia cho con trai là Đ.M.Đức 01 tỷ; ông Đ.S.Công và bà N.T.H mỗi người hưởng 02 tỷ đồng.

Xét thấy: Kháng cáo của bà N.T.H là không có căn cứ, bởi lẽ: Các đương sự đều xác nhận thửa đất này là tài sản chung của ông Đ.S.Công và bà N.T.H; yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông Đ.S.Công là phù hợp quy định của pháp luật nên có cơ sở được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án đã xác nhận thửa đất này là tài sản chung và chia cho ông Đ.S.Công và bà N.T.H mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản và chia bằng hiện vật mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích của thửa đất là có căn

cứ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Lý do bà N.T.H kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm là để chờ đến cuối năm 2023 khi con trai là anh Đ.M.Đức xuất ngũ và đến khi nào thừa đất là tài sản chung có giá trị thị trường lên đến 05 tỷ đồng mới bán để chia là không có cơ sở được chấp nhận. Do đó, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà N.T.H.

[2]. Đối với yêu cầu giải quyết chia các tài sản chung khác.

Quá trình giải quyết vụ án, thì các đương sự còn trình bày: Ngoài khối tài sản chung mà ông Đ.S.Công khởi kiện yêu cầu Tòa án chia nêu trên, thì ông Đ.S.Công và bà N.T.H còn có tài sản chung khác, gồm: Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 05, diện tích 50m² tại thôn TK, xã TT, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10-10-2005, mang tên chủ sử dụng đất là ông Đ.S.Công và bà N.T.H hiện do bà N.T.H đang trực tiếp quản lý, sử dụng; 01 sổ tiết kiệm với số tiền là 900.000.000 đồng hiện đang gửi tại Ngân hàng TP mang tên người gửi là bà N.T.H, ông Đ.S.Công, chị Đ.M.L và 01 sổ tiết kiệm với số tiền là 338.000.000 đồng hiện đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đứng tên bà N.T.H.

Xét thấy: Nguyên đơn trong vụ án là ông Đ.S.Công không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với các khối tài sản này. Hơn nữa, bị đơn là bà N.T.H có đơn đề nghị có nội dung phản tố đề nghị Tòa án xem xét giải quyết phân chia các tài sản này; Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu bà N.T.H nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của bà Hoa, nhưng bà Hoa không nộp tiền tạm ứng án phí; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án là chị Đ.M.L và anh Đ.M.Đức cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với các tài sản này. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã không thụ lý và giải quyết yêu cầu phản tố của bà N.T.H trong cùng vụ án này và dành quyền khởi kiện cho các đương sự để được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo của bà N.T.H không được chấp nhận nên bà Hoa phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của bà N.T.H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 122/2022/HNGĐ-ST ngày 13-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, cụ thể:

Áp dụng Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.S.Công về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

1.1. Xác nhận thửa đất số 154, tờ bản đồ 16 tại KL, thị trấn KB, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S110457 ngày 13-5-2004 mang tên hộ ông Đ.S.Công là tài sản chung của ông Đ.S.Công và bà N.T.H.

- Giao ông Đ.S.Công quản lý, sử dụng 128,9 m² đất ở, trị giá 1.031.200.000 đồng (được giới hạn bởi các điểm 1, 1', 3', 4, có sơ đồ đo đạc kèm theo).

- Giao bà N.T.H quản lý, sử dụng 128,9 m² đất ở, trị giá 1.031.200.000 đồng (được giới hạn bởi các điểm 1', 2, 3, 3', có sơ đồ đo đạc kèm theo).

1.2. Ông Đ.S.Công, bà N.T.H có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động và xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Dành quyền khởi kiện đối với các tài sản chung khác của ông Công, bà Hoa bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

1.4. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Đ.S.Công phải nộp 42.936.000đ (*Bốn mươi hai triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được đối trừ vào số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) ông Công đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0062022 ngày 12-4-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Ông Đ.S.Công còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 24.936.000đ (*Hai mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn đồng*).

- Bà N.T.H phải nộp 42.936.000đ (*Bốn mươi hai triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn đồng*) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà N.T.H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí phúc thẩm và được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0062476 ngày 20-4-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Ghi nhận bà N.T.H đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- CC THADS huyện Thanh Trì;
- TAND huyện Thanh Trì, HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Chí Nguyễn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA